UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHĨA DÂN

Biểu mẫu số 48
(Ban hành kèm theo NĐ số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính Phủ)

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Nghĩa Dân)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	*B*	*1*	*2*	*3=2-1*	*4=2/1*
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**313,325,283,700**	**529,356,555,588**	**212,281,271,888**	**168.95%**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**276,384,283,700**	**228,041,630,865**	**(48,342,652,835)**	**82.51%**
-	Thu NSĐP hưởng 100%	467,000,000	7,152,650,483	6,685,650,483	1531.62%
-	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia	275,917,283,700	220,888,980,382	(55,028,303,318)	80.06%
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**36,941,000,000**	**266,906,526,117**	**229,965,526,117**	**722.52%**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	36,941,000,000	36,940,130,000	(870,000)	100.00%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	-	229,966,396,117	229,966,396,117	#DIV/0!
III	**Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên**	**-**		**-**	
IV	**Thu kết dư**	-	**14,435,192,556**	**14,435,192,556**	
V	**Thu viện trợ**	-	**3,750,000,000**		
VI	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	-	**16,223,206,050**	**16,223,206,050**	
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**313,325,283,700**	**472,806,071,616**	**159,480,787,916**	**150.90%**
I	**Tổng chi cân đối NSĐP**	**313,325,283,700**	**417,130,643,105**	**103,805,359,405**	**133.13%**
1	Chi đầu tư phát triển	274,392,283,700	240,523,619,696	(33,868,664,004)	87.66%
2	Chi thường xuyên	36,718,000,000	176,607,023,409	139,889,023,409	480.98%
3	Các khoản chi khác			-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		-	-	
5	Dự phòng ngân sách	2,215,000,000		(2,215,000,000)	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			-	
7	Chi bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	-		-	
II	**Chi các chương trình mục tiêu**	**-**	**-**	**-**	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-		-	
III	**Chi chuyển giao ngân sách (chi nộp ngân sách cấp trên)**		**239,198,000**	**239,198,000**	
IV	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**	-	**55,369,230,511**	**55,369,230,511**	
V	**Các khoản chi khác (Chi hỗ trợ địa phương**	-	**67,000,000**	**67,000,000**	
C	**BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP/KẾT DƯ**		**56,550,483,972**		
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSĐP**				
I	**Từ nguồn vay để trả nợ gốc**				
II	**Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh**				
E	**TỔNG MỨC VAY CỦA NSĐP**				
I	**Vay để bù đắp bội chi**				
II	**Vay để trả nợ gốc**				
G	**TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSĐP**				

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHĨA DÂN

Biểu mẫu số 50
(Ban hành kèm theo NĐ số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính Phủ)

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Nghĩa Dân)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5=3/1*	*6=4/2*
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	**826,678,283,700**	**313,325,283,700**	**639,988,280,839**	**529,356,555,588**	**77.42%**	**168.95%**
A	**TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN**	**789,737,283,700**	**276,384,283,700**	**342,423,356,116**	**231,791,630,865**	**43.36%**	**83.87%**
I	**Thu nội địa**	**789,737,283,700**	**276,384,283,700**	**342,423,356,116**	**231,791,630,865**	**43.36%**	**83.87%**
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý		-	380,281,283	201,052		
-	*Thuế giá trị gia tăng*	-	-	*718,038*	*201,052*		
-	*Thuế tài nguyên*	-	-		-		
-	*Thuế thu nhập doanh nghiệp*			*379,563,245*	-		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	-	-	-	-		
-	*Thuế giá trị gia tăng + Thuế thu nhập doanh nghiệp*			-	-		
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài		-	206,561,339	-		
-	*Thuế giá trị gia tăng + Thuế thu nhập doanh nghiệp*			*206,561,339*	-		
-	*Thuế tài nguyên*			-	-		
-	*Tiền thuê mặt đất, mặt nước*		-		-		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	795,000,000	318,000,000	8,948,090,633	1,741,181,557	1125.55%	547.54%
-	*Thuế giá trị gia tăng*	*795,000,000*	*318,000,000*	*7,597,743,476*	*1,344,340,497*	*955.69%*	*422.75%*
-	*Thuế thu nhập doanh nghiệp*			*945,410,586*	-		
-	*Thuế tiêu thụ đặc biệt*			*404,776,371*	*396,680,860*		
-	*Thuế tài nguyên*			*160,200*	*160,200*		
-	*Lệ phí môn bài*			-			
5	Thuế thu nhập cá nhân	817,000,000	368,000,000	3,702,092,540	1,470,292,854	453.13%	399.54%
6	Thuế bảo vệ môi trường				-		
-	*Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước*				-		
-	*Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu*				-		
7	Lệ phí trước bạ	350,000,000	175,000,000	7,437,756,055	1,383,097,895	2125.07%	790.34%
8	Thu phí, lệ phí	127,000,000	127,000,000	629,603,030	574,853,030	495.75%	452.64%
-	*Phí và lệ phí trung ương*				-		
-	*Phí và lệ phí tỉnh*				-		
-	*Phí và lệ phí huyện*				-		
-	*Phí và lệ phí xã, phường*				-		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				-		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	476,000,000	476,000,000	580,383,351	580,383,351	121.93%	121.93%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	940,000,000	188,000,000	673,068,608	134,613,723	71.60%	71.60%
12	Thu tiền sử dụng đất	785,892,283,700	274,392,283,700	309,035,719,500	215,579,209,950	39.32%	78.57%
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		-		-		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-		-		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		-				
16	Thu khác ngân sách	170,000,000	170,000,000	7,010,667,777	6,508,665,453	4123.92%	3828.63%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	170,000,000	170,000,000	69,132,000	69,132,000	40.67%	40.67%
	Trong đó: Đền bù khi nhà nước thu hồi đất			-	-		
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức		-		-		
	Lợi nhuận được chia của NN và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	-	-		-		
19	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước	-	-		-		
II	**Thu từ dầu thô**	**-**	**-**		**-**		
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**	**-**	**-**		**-**		
1	**Thuế xuất khẩu**	-	-		-		
2	**Thuế nhập khẩu**	-	-		-		
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	-	-		-		
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	-	-		-		
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	-	-		-		
6	Thu khác	-	-		-		
IV	Thu viện trợ	-	-		-		
V	Các khoản huy động, đóng góp	-	-	3,750,000,000	3,750,000,000		
B	**THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**36,941,000,000**	**36,941,000,000**	**266,906,526,117**	**266,906,526,117**	**722.52%**	**722.52%**
C	**THU TỪ NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NỘP LÊN**			**-**			
D	**THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC**		**-**	**14,435,192,556**	**14,435,192,556**		
E	**THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG**	**-**	**-**	**16,223,206,050**	**16,223,206,050**		

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHĨA DÂN

Biểu mẫu số 51
(Ban hành kèm theo NĐ số 31/2017/NĐ-CP
ngày 23/3/2017 của Chính Phủ)

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Nghĩa Dân)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	*B*	*1*	*2*	*3=2/1*
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**313,325,283,700**	**472,806,071,616**	**150.90%**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**313,325,283,700**	**417,436,841,105**	**133.23%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**274,392,283,700**	**240,523,619,696**	**87.66%**
1	Chi đầu tư cho các dự án	274,392,283,700	240,323,619,696	87.58%
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực			
-	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	-	*22,665,529,666*	*#DIV/0!*
-	*Chi khoa học và công nghệ*			
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn			
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất*	-	-	*#DIV/0!*
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết*			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác	-	200,000,000	#DIV/0!
II	**Chi thường xuyên**	**36,718,000,000**	**176,607,023,409**	**480.98%**
	Trong đó:			
1	*Chi giáo dục- đào tạo và dạy nghề*		-	
2	*Chi khoa học và công nghệ*			
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**			
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**			
V	**Dự phòng ngân sách**	**2,215,000,000**	-	
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**			
VII	**Chi bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên**	**-**		
VIII	**Các khoản chi khác (Chi hỗ trợ địa phương khác)**		**67,000,000**	
IX	**Chi nộp trả ngân sách cấp trên**		**239,198,000**	
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**-**		
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**			
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	**-**		
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**		**55,369,230,511**	

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHĨA DÂN

Biểu mẫu số 52
(Ban hành kèm theo NĐ số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính Phủ)

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Nghĩa Dân)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	*B*	*1*	*2*	*3=2-1*	*4=2/1*
	TỔNG CHI NSĐP	**313,325,283,700**	**472,806,071,616**	**159,480,787,916**	**150.90%**
A	**CHI CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH**	**-**	**-**	**-**	
B	**CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC**	**313,325,283,700**	**417,436,841,105**	**104,111,557,405**	**133.23%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**274,392,283,700**	**240,523,619,696**	**(33,868,664,004)**	**87.66%**
1	Chi đầu tư cho các dự án	274,392,283,700	240,323,619,696	(34,068,664,004)	87.58%
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		22,665,529,666	22,665,529,666	#DIV/0!
-	Chi khoa học và công nghệ			-	
-	Chi quốc phòng			-	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		10,507,209,432	10,507,209,432	
-	Chi y tế, dân số và gia đình		2,672,275,000	2,672,275,000	
-	Chi văn hóa thông tin		11,500,744,191	11,500,744,191	#DIV/0!
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		-	-	
-	Chi thể dục thể thao		-	-	
-	Chi bảo vệ môi trường			-	#DIV/0!
-	Chi các hoạt động kinh tế		111,211,414,033	111,211,414,033	#DIV/0!
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	-	81,766,447,374	81,766,447,374	
-	Chi bảo đảm xã hội	-	-	-	
-	Chi đầu tư khác		-	-	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			-	
3	Chi đầu tư phát triển khác		200,000,000	200,000,000	#DIV/0!
II	**Chi thường xuyên**	**36,718,000,000**	**176,607,023,409**	**139,889,023,409**	**480.98%**
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		87,055,778,315	87,055,778,315	
-	Chi khoa học và công nghệ (2)			-	
-	Chi quốc phòng	200,000,000	1,002,110,036	802,110,036	501.06%
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	100,000,000	1,520,592,340	1,420,592,340	1520.59%
-	Chi y tế, dân số và gia đình	200,000,000	11,679,271,293	11,479,271,293	5839.64%
-	Chi văn hóa thông tin		1,176,230,360	1,176,230,360	#DIV/0!
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		92,278,000	92,278,000	#DIV/0!
-	Chi thể dục thể thao		80,000,000	80,000,000	#DIV/0!
-	Chi bảo vệ môi trường	340,000,000	1,574,190,888	1,234,190,888	463.00%
-	Chi các hoạt động kinh tế	647,378,000	819,787,000	172,409,000	126.63%
-	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	34,051,518,000	57,444,765,377	23,393,247,377	168.70%
-	Chi bảo đảm xã hội	1,179,104,000	14,012,019,800	12,832,915,800	1188.36%
-	Chi thường xuyên khác	200,000,000	150,000,000	(50,000,000)	
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**				
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)**				
V	**Dự phòng ngân sách**	**2,215,000,000**			
VI	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**				
VII	**Các khoản chi khác (Chi hỗ trợ địa phương khác)**		**67,000,000**		
VII	**Chi nộp trả ngân sách cấp trên**		**239,198,000**		
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**	**-**	**55,369,230,511**	**55,369,230,511**	

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHĨA DÂN

Biểu mẫu số 54
(Ban hành kèm theo NĐ số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ)

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Nghĩa Dân)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Tên đơn vị	Dự toán (1)				Quyết toán									So sánh			
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (không kể chương trình MTQG)	Chi chương trình MTQG	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi chương trình MTQG: Tổng số	Chi chương trình MTQG: Chi đầu tư phát triển	Chi chương trình MTQG: Chi thường xuyên	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi chương trình MTQG
A	**B**	*1*	*2*	*3*		*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
	TỔNG CỘNG	**653,768,427,776**	**624,018,397,446**	**118,729,360,192**	**-**	**472,806,071,616**	**240,523,619,696**	**176,913,221,409**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**55,369,230,511**	**72.32%**	**38.54%**	**149.01%**	
A	**CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**	**458,427,225,584**	**624,018,397,446**	**-**	**-**	**240,523,619,696**	**240,523,619,696**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**52.47%**	**38.54%**		
I	**Chi quốc phòng**																	
II	**Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội**	**13,677,090,545**	**13,677,090,545**			**10,507,209,432**	**10,507,209,432**								**76.82%**	**76.82%**		
1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động	245,454,546	245,454,546			245,454,546	245,454,546											
2	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động	10,500,000,000	10,500,000,000			7,330,118,887	7,330,118,887											
3	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Toàn Thắng, huyện Kim Động	2,931,635,999	2,931,635,999			2,931,635,999	2,931,635,999											
4	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Đồng Thanh, huyện Kim Động														#DIV/0!	#DIV/0!		
III	**Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**23,008,130,313**	**23,008,130,313**			**22,665,529,666**	**22,665,529,666**								**98.51%**	**98.51%**		
1	Trường Mầm non xã Vĩnh Xá	131,984,000	131,984,000			65,992,000	65,992,000								50.00%	50.00%		
2	Nhà đa năng trường THCS Toàn Thắng	620,620,800	620,620,800			310,310,400	310,310,400											
3	Nhà tập có mái che trường THCS Vĩnh Xá	2,752,276,000	2,752,276,000			1,202,690,000	1,202,690,000											
4	Mua sắm trang thiết bị trường THCS xã Vĩnh Xá	2,406,078,080	2,406,078,080			1,102,039,040	1,102,039,040											
5	Xây dựng nhà hiệu bộ trường tiểu học Toàn Thắng	120,000,000	120,000,000			119,850,000	119,850,000											
6	Xây dựng nhà hiệu bộ trường tiểu học Toàn Thắng	323,618,000	323,618,000			323,618,000	323,618,000											
7	Nhà học đa năng trường Tiểu học và THCS xã Đồng Thanh	1,500,000,000	1,500,000,000			1,500,000,000	1,500,000,000											
8	Nhà học đa năng trường Tiểu học và THCS xã Đồng Thanh	845,022,433	845,022,433			845,022,433	845,022,433								100%	100%		
9	Nhà học đa năng trường Tiểu học và THCS xã Đồng Thanh	5,000,000,000	5,000,000,000			2,499,363,011	2,499,363,011								49.99%	49.99%		
10	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường THCS Vĩnh Xá	7,022,042,000	7,022,042,000			3,460,338,000	3,460,338,000								49.28%	49.28%		
11	Xây dựng phòng học bộ môn 3 tầng 9 phòng Trường THCS Đồng Thanh	2,198,489,000	2,198,489,000			2,000,000,000	2,000,000,000											
12	Xây dựng nhà lớp học 02 tầng 10 phòng trường Tiểu học Toàn Thắng	88,000,000	88,000,000			88,000,000	88,000,000											
13	Mua sắm điều hòa và trang thiết bị trường Tiểu học xã Toàn Thắng	1,450,000,000	1,450,000,000			950,000,000	950,000,000											
14	Mua sắm điều hòa và trang thiết bị các lớp học trường mầm non xã Toàn Thắng	1,450,000,000	1,450,000,000			950,000,000	950,000,000											
15	Lập đặt hệ thống camera, đồ chơi ngoài trời và màn hình tương tác trường Mầm non xã Toàn Thắng	500,000,000	500,000,000			500,000,000	500,000,000								100.00%	100.00%		
16	Xây dựng Nhà lớp học bộ môn, nhà thư viện và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Toàn Thắng	78,000,000	78,000,000			77,668,000	77,668,000								100%	100%		
17	Xây dựng Nhà lớp học bộ môn, nhà thư viện và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Toàn Thắng	4,922,000,000	4,922,000,000			4,922,000,000	4,922,000,000								100%	100%		
18	Lắp đặt hệ thống camera, âm thanh, ánh sáng và trang thiết bị giảng dạy trường tiểu học xã Toàn Thắng	500,000,000	500,000,000			500,000,000	500,000,000								100%	100%		
19	Bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp sân trường, mái che, nhà kho và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non xã Toàn Thắng	100,000,000	100,000,000			100,000,000	100,000,000								100%	100%		
20	Sửa chữa, bảo dưỡng các phòng chức năng dãy nhà A, lớp học dãy nhà B và lớp học dãy nhà C trường tiểu học Vĩnh Xá	2,297,277,564	2,297,277,564			1,148,638,782	1,148,638,782								50.00%	50.00%		
IV	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**																	
V	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	**17,926,913,674**	**17,926,913,674**			**11,500,744,191**	**11,500,744,191**											
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thanh Sầm	2,601,817,758	2,601,817,758			1,292,810,233	1,292,810,233											
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Công Luận	1,598,411,096	1,598,411,096			799,205,548	799,205,548											
3	Nhà văn hóa thôn Vĩnh Đồng xã Đồng Thanh	1,102,918,000	1,102,918,000			526,768,000	526,768,000											
4	Xây dựng nhà văn hóa và một số HMPT thôn Vĩnh Hậu	4,183,134,820	4,183,134,820			2,091,567,410	2,091,567,410											
5	Xây dựng nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa thôn Trương Xá	145,000,000	145,000,000			145,000,000	145,000,000											
6	Xây dựng nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ nhà văn hóa thôn Trương Xá	5,771,000,000	5,771,000,000			4,771,000,000	4,771,000,000											
7	Xây dựng nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Bùi Xá, xã Đồng Thanh	1,500,000,000	1,500,000,000			1,500,000,000	1,500,000,000											
8	Xây dựng nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Bùi Xá, xã Đồng Thanh	435,307,000	435,307,000			374,393,000	374,393,000											
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bùi Xá, xã Đồng Thanh (đoạn từ Tài Thương đến nhà bà Hiên Sở)	589,325,000	589,325,000															
VI	**Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình**	**2,700,000,000**	**2,700,000,000**			**2,672,275,000**	**2,672,275,000**								**98.97%**	**98.97%**		
1	Sửa chữa 2 khối nhà chức năng và một số hạng mục phụ trợ trạm y tế xã Vĩnh Xá	700,000,000	700,000,000			700,000,000	700,000,000											
2	Bảo dưỡng, sửa chữa thay thế cửa, ốp chân tường tầng 1, tầng 2 và chống thấm mái nhà làm việc 2 tầng; Các hạng mục phụ trợ trạm y tế xã Đồng Thanh	1,000,000,000	1,000,000,000			1,000,000,000	1,000,000,000											
3	Bảo dưỡng, sửa chữa thay thế cửa, ốp chân tường tầng 1, tầng 2 và chống thấm mái nhà làm việc 2 tầng; Các hạng mục phụ trợ trạm y tế xã Đồng Thanh	1,000,000,000	1,000,000,000			972,275,000	972,275,000											
VII	**Chi hoạt động kinh tế**	**267,276,727,368**	**432,867,899,230**			**111,211,414,033**	**111,211,414,033**								**41.61%**	**41.61%**		
1	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường xã Nghĩa Dân 1 (đoạn từ nhà ông Hoàn (QL.38 cũ) đến QL.38 mới) và đường Nghĩa Dân 2 (đoạn từ QL.38 mới đến nhà ông Bằng Chưa)		420,882,000			420,882,000	420,882,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
2	Nâng cấp cầu Trương Xá - Đồng An		500,000,000			500,000,000	500,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
3	Xây dựng Cầu Đen thôn Trúc Cầu, xã Nghĩa Dân		1,000,000,000			1,000,000,000	1,000,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
4	Nâng cấp cầu An Xá (Đường ĐH.74 sang đường NT3, ông Năng)		500,000,000			500,000,000	500,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
5	Xây dựng cầu bắc qua sông Kim Ngưu thôn Trương Xá, xã Toàn Thắng		2,671,616,000			1,335,808,000	1,335,808,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
6	Cải tạo, nâng cấp mặt đường, bờ kè T1 đoạn Gáo Nam, Gáo Bắc		2,000,000,000			2,000,000,000	2,000,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
7	Cải tạo, nâng cấp mặt đường, bờ kè T1 đoạn Gáo Nam, Gáo Bắc		500,000,000			500,000,000	500,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (Đoạn qua thôn Đào Xá)		9,627,194,000			4,813,597,000	4,813,597,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
9	Cải tạo, sửa chữa các điểm sinh hoạt cộng đồng, khu thể thao xã Vĩnh Xá		800,000,000			800,000,000	800,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
10	Cải tạo, sửa chữa một số tuyến đường GTNT thôn Vĩnh Hậu, Đào Xá, Ngô Xá		1,000,000,000			1,000,000,000	1,000,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
11	Sửa chữa đường nội đồng xã Đồng Thanh (Máng 2 từ cử cụ Xóe ra cử 5 xã)		1,000,000,000			499,954,000	499,954,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
12	Duy tu, sửa chữa đường GTNT xã Đồng Thanh (đoạn từ nhà ông Vĩnh đến nhà ông Cao)		1,400,000,000			700,000,000	700,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
13	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (đoạn từ cây đa bà Thộn đến gốc Gạo)		3,000,000,000			3,000,000,000	3,000,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
14	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (đoạn từ cây đa bà Thộn đến gốc Gạo)		1,569,682,000			784,841,000	784,841,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
15	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đoạn từ nhà ông Thơm Viện đến nhà ông Chất Nhuân		2,000,000,000			2,000,000,000	2,000,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
16	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Toàn Thắng (đoạn từ cầu ông Viêm đến cầu Phù)		100,000,000			100,000,000	100,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
17	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Ngô Xá, xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động		3,637,346,000			1,758,557,000	1,758,557,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
18	Cải tạo, nâng cấp đường ngõ xóm đoạn từ nhà văn hóa thôn Đồng An đến nhà ông Sắc		500,000,000			500,000,000	500,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
19	Sửa chữa đường nội đồng xã Đồng Thanh (từ ruộng nhà ông Tĩnh ra cửa miếu Công Luận)		1,000,000,000			496,643,000	496,643,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
20	Cải tạo, nâng cấp đường ngõ xóm đoạn từ nhà văn hóa thôn Nghĩa Giang đến nhà ông Thuận		75,207,272			75,207,272	75,207,272								#DIV/0!	#DIV/0!		
21	Mở rộng, nâng cấp đường GTNT (đoạn từ cầu Đồng An đến chùa Trung Đức), xã Toàn Thắng		125,000,000			-									#DIV/0!	#DIV/0!		
22	Mở rộng, nâng cấp đường GTNT (đoạn từ cầu Đồng An đến chùa Trung Đức), xã Toàn Thắng		2,937,463,760			2,042,325,000	2,042,325,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
23	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ đường ĐH.73 nối đường ĐH74 đoạn giữa làng thôn An Xá		231,345,000			214,196,000	214,196,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
24	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (Đường bao làng khu vực Quyết Tiến, thôn Đào Xá)		400,000,000			400,000,000	400,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
25	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (đoạn từ đập ba nhóm đến máng nổi thôn Ngô Xá)		376,666,000			286,938,797	286,938,797								#DIV/0!	#DIV/0!		
26	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đoạn từ đập ba nhóm đến cử mang cá thôn Ngô Xá, xã Vĩnh Xá		9,682,000			4,841,000	4,841,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
27	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT, hệ thống chiếu sáng từ ngã tư đình làng Nghĩa Giang đến QL39		86,712,217			86,712,217	86,712,217								#DIV/0!	#DIV/0!		
28	Sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Vĩnh Xá (đoạn từ nhà ông Tiến Hiền đến kênh Tây)		1,400,000,000			699,806,000	699,806,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
29	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nghĩa Dân (điểm từ QL 39 đến cổng nghĩa trang thôn Thổ Cầu)		389,586,793			389,586,793	389,586,793								#DIV/0!	#DIV/0!		
30	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Nghĩa Dân (đoạn từ đường đưa ma đến mương mới)		263,183,000			263,183,000	263,183,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
31	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (đoạn từ ngã tư đình đến nhà ông Hưng thôn Ngô Xá)		66,770,582			-									#DIV/0!	#DIV/0!		
32	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Nghĩa Dân (đoạn từ BL.5 đến đường đưa ma)		190,654,000			166,378,000	166,378,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
33	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Đồng Thanh (đoạn tuyến từ cổng chùa Bùi Xá đến ĐH.71)		926,721,000			890,429,000	890,429,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
34	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Vĩnh Xá (Đoạn từ cổng chùa đến nhà mồ) thôn Ngô Xá		5,811,509,176			2,855,606,138	2,855,606,138								#DIV/0!	#DIV/0!		
35	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (Đoạn từ nhà ông Nga Sáu đến nhà ông Cừ thôn Đào Xá)		546,796,454			444,343,727	444,343,727								#DIV/0!	#DIV/0!		
36	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Thanh Sầm, xã Đồng Thanh (đoạn từ nhà ông Thuần đến Ao Đình)		1,500,000,000			1,500,000,000	1,500,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
37	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Thanh Sầm, xã Đồng Thanh (đoạn từ nhà ông Thuần đến Ao Đình)		754,536,000			739,030,000	739,030,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
38	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Nghĩa Dân (đoạn từ sông Điện Biên đến cử Đồng Bèo)		380,318,000			380,318,000	380,318,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
39	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Toàn Thắng (đoạn từ cổng chào thôn Nghĩa Giang đến cầu Đông An)		720,582,000			360,291,000	360,291,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
40	Đường giao thông từ đoạn ĐH74 đến đường bê tông đội 15 (Qua khu nhà làm việc công an xã) Vĩnh Xá		1,442,124,728			1,294,562,364	1,294,562,364								#DIV/0!	#DIV/0!		
41	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng xã Vĩnh Xá (đoạn từ đường ĐH.74 đến ruộng nhà ông Tư Sơn)		5,398,504,000			2,794,252,000	2,794,252,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
42	Sửa chữa đường GT nội đồng xã Vĩnh Xá (đoạn từ ruộng nhà ông Quyết đến sân bóng thôn Đào Xá)		1,400,000,000			700,000,000	700,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
43	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn Bùi Xá, xã Đồng Thanh (đoạn từ Tài Thương đến nhà bà Hiên Sở)		145,675,000			721,862,000	721,862,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
44	Cải tạo, nâng cấp đường Giao thông nội đồng từ đường trục xã đến đường thau ma thôn Trúc Cầu		73,802,364			73,802,364	73,802,364								#DIV/0!	#DIV/0!		
45	Sửa chữa đường nội đồng xã Đồng Thanh (Đoạn từ cầu Tre đến đường bê tông cắt ngang Công Luận)		700,000,000			700,000,000	700,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
46	Cải tạo, nâng cấp GTNT Vĩnh Xá (03 đoạn theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND xã Vĩnh Xá)		3,692,000,000			3,692,000,000	3,692,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
47	Cải tạo, nâng cấp GTNT Vĩnh Xá (03 đoạn theo Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND xã Vĩnh Xá)		2,254,596,146			1,127,298,073	1,127,298,073								#DIV/0!	#DIV/0!		
48	Sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Vĩnh Xá (Đoạn từ đồng 8 mẫu đến đồng Xuyền, thôn Ngô Xá)		700,000,000			700,000,000	700,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
49	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Vĩnh Xá (đoạn từ nhà Phương Hương đến ruộng nhà ông Chứ)		2,208,810,164			1,166,457,000	1,166,457,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
50	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (đoạn từ đường ĐH.74 đến nhà ông Sinh Phải, thôn Vĩnh Hậu)		78,796,800			39,398,400	39,398,400								#DIV/0!	#DIV/0!		
51	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn từ sông Điện Biên đến bờ Máng thôn Đào Xá, xã Nghĩa Dân		174,672,968			174,672,968	174,672,968								#DIV/0!	#DIV/0!		
52	Mở rộng mặt đường, Xây kè, lát vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng đường từ ĐH74 đến cầu ông Năng		2,500,000,000			2,500,000,000	2,500,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
53	Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng đường GTNT thôn An Xá, xã Toàn Thắng (đoạn từ nhà bà Luật đến nhà ông Kha)		1,400,000,000			500,000,000	500,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
54	Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng đường GTNT thôn An Xá, xã Toàn Thắng (đoạn từ nhà bà Luật đến nhà ông Kha)		300,000,000			300,000,000	300,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
55	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Vĩnh Xá (đoạn từ cửa chùa đến cổng tháp) thôn Ngô Xá					593,121,236	593,121,236								#DIV/0!	#DIV/0!		
56	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Vĩnh Xá (đoạn từ cửa chùa đến cổng tháp) thôn Ngô Xá		3,471,640,430			1,733,505,015	1,733,505,015								#DIV/0!	#DIV/0!		
57	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá (đoạn từ ĐH.74 đến bốt điện khu vực Hùng Cường thôn Đào Xá)		1,951,054,002			1,461,762,310	1,461,762,310								#DIV/0!	#DIV/0!		
58	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Vĩnh Xá (đoạn từ ruộng nhà ông Thường đến Kênh Đông)		249,725,200			124,415,600	124,415,600								#DIV/0!	#DIV/0!		
59	Sửa chữa đường GTNĐ xã Đồng Thanh đoạn từ đầu nhà ông Xuân đến đầu ruộng nhà bà Vận thôn Thanh Sầm		700,000,000			700,000,000	700,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
60	Sửa chữa đường giao thông nội đồng (đoạn từ đường ĐH74 đến nhà Uyên Nhật) thôn An Xá, xã Toàn Thắng		700,000,000			700,000,000	700,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
61	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn từ đường QL39 đến nhà ông Hương, thôn Trương Xá, xã Toàn Thắng		500,000,000			500,000,000	500,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
62	Cải tạo, nâng cấp đường trục thôn Trúc Cầu đoạn từ nhà ông Hảo đến ông Lịch thôn Trúc Cầu xã Nghĩa Dân		6,000,000,000			5,949,938,541	5,949,938,541								#DIV/0!	#DIV/0!		
63	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Vĩnh Xá (đoạn từ ruộng nhà ông Nguyệt Tạo đến kênh Đông)		2,206,701,854			1,103,350,927	1,103,350,927								#DIV/0!	#DIV/0!		
64	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn từ nhà ông Dôn (QL39) đến nhà ông Tân, thôn Trương Xá, xã Toàn Thắng		500,000,000			500,000,000	500,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
65	Cải tạo, nâng cấp đường ra đồng thôn Đào Xá, xã Vĩnh Xá (đoạn từ nhà ông Tiệp đến ruộng nhà ông Thường)		4,173,375,890			2,085,133,545	2,085,133,545								#DIV/0!	#DIV/0!		
66	Cải tạo, nâng cấp đường nội động xã Vĩnh Xá (Theo Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 của UBND xã Vĩnh Xá)		400,000,000			400,000,000	400,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
67	Sửa chữa đường GT nội đồng thôn Vĩnh Tiền, xã Đồng Thanh (Đoạn từ ruộng nhà bà Minh đến ruộng nhà bà Đậu)		1,400,000,000			680,958,000	680,958,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
68	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng xã Đồng Thanh (đoạn từ ruộng nhà ông Sỹ đến ruộng nhà ông Thu, thôn Thái Hòa)		700,000,000			700,000,000	700,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
69	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng xã Đồng Thanh (đoạn từ ruộng nhà ông Sỹ đến ruộng nhà ông Thu, thôn Thái Hòa)		30,382,000			15,191,000	15,191,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
70	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước; nâng cấp mở rộng một số vuốt nối đường nội đồng thôn Ngô Xá, xã Vĩnh Xá		192,613,000			-									#DIV/0!	#DIV/0!		
71	Cải tạo, nâng cấp đường GT nội đồng xã Đồng Thanh (đoạn từ ruộng nhà ông Thái đến đường ĐH73 cạnh nhà ông Hoàng)		913,000,000			912,878,636	912,878,636								#DIV/0!	#DIV/0!		
72	Sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Đồng Thanh (Đoạn từ nhà ông Trung đến đường bê tông phía Tây thôn Vĩnh Đồng)		700,000,000			700,000,000	700,000,000											
73	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Vĩnh Xá (đoạn từ đầu cổng nhà ông Lanh Hà đến ruộng nhà ông Sĩ Hùy)		2,165,076,474			1,081,538,237	1,081,538,237								#DIV/0!	#DIV/0!		
74	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng xã Vĩnh Xá (Theo Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 Của UBND xã Vĩnh Xá)		500,000,000			500,000,000	500,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
75	Duy tu, sửa chữa đường giao thông nội đồng xã Đồng Thanh (đoạn từ nhà văn hóa thôn Thanh Sầm đến máng 5 cửa nhà ông Xuân)		73,776,000			73,766,000	73,766,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
76	Cải tạo, nâng cấp hệ thống an toàn giao thông và điện chiếu sáng các tuyến đường trên địa bàn xã Vĩnh Xá, huyện Kim Động		1,000,000,000			1,000,000,000	1,000,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
77	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đoạn từ đầu cầu Đông An - Trương Xá đến đường trục chính thôn Đồng An, xã Toàn Thắng		500,000,000			500,000,000	500,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
78	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông xã Nghĩa Dân (Tại Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 của UBND xã Nghĩa Dân)		1,500,000,000			1,500,000,000	1,500,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
79	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông xã Nghĩa Dân (Tại Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 của UBND xã Nghĩa Dân)		40,024,800			40,024,800	40,024,800								#DIV/0!	#DIV/0!		
80	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Vĩnh Xá Đoạn 1 từ Đình thôn Vĩnh Hậu đến nhà Nga Huy; Đoạn 2 từ cánh đồng Linh đến Kênh Tây)		626,380,290			500,190,145	500,190,145								#DIV/0!	#DIV/0!		
81	Tu sửa, xử lý đoạn sông Kim Ngưu (đoạn từ cầu Phù đến nhà ông Long Tí) thuộc địa phận thôn An Xá, xã Toàn Thắng, huyện Kim Động		2,000,000,000			2,000,000,000	2,000,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
82	Tu sửa, xử lý đoạn sông Kim Ngưu (đoạn từ cầu Phù đến nhà ông Long Tí) thuộc địa phận thôn An Xá, xã Toàn Thắng, huyện Kim Động		1,464,315,008			1,447,305,183	1,447,305,183								#DIV/0!	#DIV/0!		
83	Sửa chữa đường nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp thôn Đào Xá, xã Vĩnh Xá (đoạn từ cánh đồng Đồng Hương đến kênh Đông)		1,400,000,000			700,000,000	700,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
84	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp thôn Đào Xá, xã Vĩnh Xá, đoạn từ xứ đồng Đường cái đến Kênh		4,023,200,000			2,011,600,000	2,011,600,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
85	Sửa chữa đường nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp thôn thái Hòa, xã Đồng Thanh (đoạn từ ruộng ông Tươi đến ruộng ông Toán)		1,400,000,000			700,000,000	700,000,000								#DIV/0!	#DIV/0!		
86	Sửa chữa đường nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp thôn thái Hòa, xã Đồng Thanh (đoạn từ ruộng ông Tươi đến ruộng ông Toán)		693,795,000			688,395,000	688,395,000								#DIV/0!	#DIV/0!		